

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2025
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Nước.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh
Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 04
tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phù Thị N, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C,
tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C,
tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Phù Thị N trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Về hôn nhân: Năm 2014 chị và anh Nguyễn Quốc T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hai người xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đánh đập chị. Nguyên nhân chị đầu tư tiền bạc cho anh T làm ăn nhưng thất bại và gây nợ nần. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Vợ chồng có 07 khoản nợ chung gồm:

+ Nợ Ngân hàng N4, Chi nhánh C số tiền 200.000.000 đồng, anh T đứng tên vay tín chấp bằng bảng lương của chị, chưa thanh toán. Hàng tháng chị trả vốn và lãi 7.750.000 đồng, chị trả từ khi vay tháng 9/2023 đến nay. Hiện tại còn nợ Ngân hàng vốn và lãi 248.000.000 đồng.

+ Anh T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ ruột chị là bà Nguyễn Thị H nhưng do chị đứng tên thế chấp cho Đại lý thức ăn tôm Lê Văn N1 để vay số tiền 948.000.000 đồng, chưa trả.

+ Nợ Công ty T2 thuộc Ngân hàng V số tiền 63.000.000 đồng từ tháng 6/2024, chị đứng ra trả và hiện còn nợ 53.000.000 đồng.

+ Nợ Công ty T2 số tiền 60.000.000 đồng, chị đã trả và còn nợ 50.000.000 đồng.

+ Nợ bà Nguyễn Thị H (ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau) 10 chỉ vàng 24K chưa trả.

+ Nợ bà Phù Thị N2 (chị bà con ở ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau) số tiền 26.000.000 đồng.

+ Nợ ông Trần Tấn T1 (ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau) số tiền 10.000.000 đồng.

Tất cả các khoản nợ trên, chị N yêu cầu anh T cùng trách nhiệm trả nợ chung, mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị N3 trình bày không đúng. Vợ chồng có mâu thuẫn và hay cự cãi và đánh qua lại thì có. Nguyên nhân do vợ chồng cùng làm ăn và vay nợ nên thất bại và xảy ra mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ngoài các khoản nợ chung mà chị N đã nêu trên, vợ chồng còn nợ nhiều người khác nhưng chưa xác định cụ thể bao nhiêu. Anh yêu cầu Tòa

án hoãn phiên họp để anh có thời gian liệt kê toàn bộ số nợ và yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Về nợ chung, chị N thay đổi không yêu cầu chia nợ chung mà tự thỏa thuận với anh T. Đối với anh T không đồng ý ly hôn với chị N do chưa giải quyết xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Năm 2014 chị Phù Thị N và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng theo chị N xác định do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và anh T đánh đập chị. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng có cự cãi và đánh qua lại. Nguyên nhân do đầu tư làm ăn thất bại. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N do chưa thỏa thuận xong nợ. Chị N cương quyết ly hôn với anh T do có nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, chị N không còn tình cảm và cương quyết ly hôn với anh T, cả hai đã không chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị N xác định không có.

[4] *Về tài sản chung*: Anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2024, chị N xác định không có nợ chung. Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2025 chị N yêu cầu chia nợ chung với anh T. Ngày 13/5/2025 và tại phiên tòa chị N thay đổi không yêu cầu chia nợ chung, để chị tự thỏa thuận với anh T và các chủ nợ. Đối với anh T xác định ngoài nợ chung mà chị N nêu thì vợ chồng còn nhiều khoản nợ khác nhưng không xác định cụ thể bao nhiêu và nợ ai. Anh T yêu cầu hoãn phiên họp để anh T liệt kê toàn bộ số nợ và yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Đồng thời Tòa án đã ấn định thời gian cụ thể nhưng đến nay anh T vẫn không yêu cầu và không xác định chủ nợ là ai, nợ bao nhiêu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết về nợ chung của hai người. Nếu anh T và chị N không thỏa thuận về nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phù Thị N và anh Nguyễn Quốc T.
2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 04/02/2025 chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019150 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THA
TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Phong Lạc,
huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc

